

Căn cứ Quyết định số 90-HĐBT ngày 24-5-1988 của Hội đồng Bộ trưởng ban hành danh mục sản phẩm do Nhà nước định giá ;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Vật tư và Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Nay quy định giá bán xăng dầu cho sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp :

- | | |
|------------------------|-----------------------------------|
| — Xăng A72—A76 | 600 đồng/lít hoặc
840 đồng/kg. |
| — Diédel thông
dụng | 520 đồng/lít hoặc
624 đồng/kg. |
| — Ma dút | 300 đồng/lít hoặc
330 đồng/kg. |

Địa điểm bán hàng tại kho cửa hàng vật tư thành phố, thị xã, huyện trên phương tiện bên mua.

Điều 2. — Giá bán xăng dầu trên đây áp dụng cho các ngành sản xuất nông nghiệp, ngư nghiệp, lâm nghiệp thuộc các thành phần kinh tế quốc doanh, tập thể, cá thể theo chỉ tiêu phân phối và theo đối tượng do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước hướng dẫn.

Điều 3. — Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 12 năm 1988.

Các đơn vị sản xuất, kinh doanh phải kiểm kê xăng dầu tồn kho khi thực hiện giá mới.

Điều 4. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng
Phó Chủ tịch
VÔ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 305-CT ngày 30-11-1988 về cấp hạn ngạch và giấy phép xuất nhập khẩu hàng hóa.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Đề tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị kinh tế trong hoạt động kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu ;

Trong khi chờ Hội đồng Bộ trưởng ban hành các quy định mới về chính sách và chế độ quản lý xuất khẩu và nhập khẩu,

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. — Chấn chỉnh việc cấp hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu theo quy định sau :

1. Bộ Kinh tế đối ngoại dựa vào những căn cứ dưới đây để định hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu một số mặt hàng chủ yếu trong phạm vi cả nước :

a) Kế hoạch phát triển nền kinh tế quốc dân ;

b) Khả năng sản xuất, nhu cầu thị trường ;

c) Chính sách bảo hộ sản xuất và đối với tiêu dùng ở trong nước ;

d) Các cam kết của Chính phủ ta với nước ngoài và nhu cầu của thị trường thế giới.

2. Căn cứ tổng hạn ngạch xuất khẩu, Bộ Kinh tế đối ngoại thống nhất với các Bộ, Tổng cục (dưới đây gọi là Bộ), Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi là Ủy ban Nhân dân tỉnh) về hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu của từng Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh, trong đó đã được phân bổ cụ thể cho từng đơn vị kinh tế phù hợp với khả năng sản xuất và nhu cầu nhập khẩu của các đơn vị đó.

3. Đối với các mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu ngoài danh mục các mặt hàng phải có hạn ngạch, các đơn vị kinh tế được trực tiếp xuất khẩu và nhập khẩu hoặc ủy thác theo kế hoạch đăng ký tại Bộ Kinh tế đối ngoại.

4. Việc cấp hạn ngạch xuất khẩu và nhập khẩu phải hoàn thành chậm nhất trước ngày 31 tháng 12 hàng năm và sẽ được điều chỉnh vào tháng 6 năm sau.

Điều 2. — Cải tiến chế độ cấp giấy phép xuất khẩu và nhập khẩu từng chuyến hàng theo quy định sau đây :

1. Bãi bỏ việc Bộ Kinh tế đối ngoại cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến hàng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu theo Nghị định thư giữa Chính phủ ta và Chính phủ các nước. Bộ Kinh tế đối ngoại có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Nghị định thư, điều chỉnh việc giao hàng để bảo đảm cam kết.

Các đơn vị trực tiếp xuất nhập khẩu hàng hóa thực hiện Nghị định thư phải đăng ký kế hoạch giao hàng xuất khẩu, tiếp nhận hàng nhập khẩu từng quý với Bộ Kinh tế đối ngoại.

2. Hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu ngoài Nghị định thư, kể cả với thị trường xã hội chủ nghĩa và ngoài xã hội chủ nghĩa, đều phải có giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu từng chuyến hàng do Bộ trưởng các Bộ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh cấp cho các đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu trực thuộc, căn cứ vào các điều kiện sau đây :

a) Hạn ngạch xuất khẩu, nhập khẩu (đối với những mặt hàng thuộc danh mục phải cấp hạn ngạch xuất nhập khẩu).

b) Kế hoạch xuất khẩu, nhập khẩu đã đăng ký tại Bộ Kinh tế đối ngoại.

c) Hợp đồng xuất khẩu, nhập khẩu ký với khách hàng nước ngoài được đăng ký tại Bộ Kinh tế đối ngoại.

— Người được quyền ký giấy phép xuất khẩu và nhập khẩu phải thông báo chữ ký với Bộ Kinh tế đối ngoại và Tổng cục Hải quan.

3. Giấy phép xuất khẩu và nhập khẩu sau khi được cấp, đơn vị kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu gửi 1 bản về Bộ Kinh tế đối ngoại.

4. Tổng cục Hải quan gửi về Bộ Kinh tế đối ngoại 1 bản giấy phép đã thanh khoản.

Điều 3. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Bộ trưởng Bộ Kinh tế đối ngoại, Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan kiểm tra đôn đốc và tổ chức thực hiện Quyết định này.

Những quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1989.

K.T. Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng

Phó Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

QUYẾT ĐỊNH của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng số 309-CT ngày 9-12-1988 về phụ cấp thâm niên cho giáo viên và cán bộ giảng dạy.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981; và Chỉ thị số 241-CT ngày 4-9-1988;